

Cải cách hành chính ở Tỉnh Trà Vinh: Kết quả và giải pháp

Dương Tuấn Vũ*

Trường Đại học Trà Vinh

Ngày nhận bài: 05/03/2020, ngày gửi phản biện: 28/04/2020, ngày duyệt đăng: 29/06/2020

Bài viết nghiên cứu kết quả thực hiện cải cách hành chính của tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020 và đề xuất một số giải pháp trong thời gian tới. Cụ thể bài viết phân tích, đánh giá kết quả cải cách hành chính liên quan đến nội dung: Cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cải cách tài chính công và hiện đại hóa nền hành chính. Từ kết quả nghiên cứu cho thấy cải cách hành chính bước đầu đạt được những kết quả đáng khích lệ như việc thực hiện sáp nhập các cơ quan có cùng chức năng ở cấp huyện, thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm hành chính công cấp huyện, thành phố. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện cải cách hành chính vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định.

Từ khóa: cải cách hành chính, cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy, cải cách tài chính, tỉnh Trà Vinh

Mở đầu

Cải cách hành chính được Đảng và Nhà nước xác định là nhiệm vụ trọng tâm kể từ năm 1994 bằng Nghị quyết số 38/CP của Chính phủ. Ngày 08/11/2011 Chính phủ ban hành Nghị quyết 30c/NQ-CP về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020. Nghị quyết 30c là bước ngoặt quan trọng, đồng thời cho thấy được sự quyết liệt của Chính phủ về thực hiện cải cách hành chính nói chung, cải cách thủ tục hành chính nói riêng. Kể từ đây nhiều văn bản chỉ đạo được ban hành như: Chỉ thị số 7/CT-TTg ngày 22/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 (Thủ tướng chính phủ, 2013); Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/3/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (Chính phủ, 2018); Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (Văn phòng Chính phủ, 2018). Đối với tỉnh Trà Vinh, ngày 04/7/2016 Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh đã ban hành Quyết định số 1370/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020. Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật.

* duongtuanvutv@gmail.com

1. Kết quả cải cách hành chính trên địa bàn Tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020

1.1. Cải cách thể chế

Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Công văn số 1463/UBND-THNV nhằm chấn chỉnh công tác phối hợp trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật nhằm tăng cường trách nhiệm giữa các sở, ngành tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện nâng cao chất lượng văn bản thực hiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh. Kết quả, đã thẩm định và ban hành 68 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan, đơn vị soạn thảo, 100% đảm bảo đúng quy trình. Triển khai Kế hoạch thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thống nhất trong cả nước giai đoạn 2014 - 2018. Đến ngày 25/11/2019, tỉnh Trà Vinh đã rà soát tổng số 449 văn bản, kết quả rà soát có 366 văn bản còn hiệu lực, 83 văn bản hết hiệu lực (Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, 2019). Nhìn chung, nhiệm vụ cải cách thể chế giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh Trà Vinh đã được quan tâm thực hiện, đảm bảo hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh được đồng bộ, đúng quy trình, phù hợp, ban hành kịp thời với tình hình phát triển kinh tế của địa phương.

1.2. Cải cách thủ tục hành chính

Về công tác kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC): tính đến tháng 12/2019, trên địa bàn tỉnh Trà Vinh có tổng số 1.949 thủ tục hành chính. Các cơ quan, đơn vị phối hợp với cơ quan chuyên môn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh kiểm soát 1.022 thủ tục hành chính công bố mới và bãi bỏ 286 TTHC, việc rà soát, cập nhật, công bố mới TTHC luôn gắn với việc xem xét, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC so với quy định, đã cắt giảm hơn 1/2 thời gian giải quyết đối với 1.619 TTHC, 1/3 thời gian đối với 98 TTHC, trên địa bàn tỉnh có tổng số 1.546 TTHC được giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích. Bên cạnh đó, tỉnh Trà Vinh cũng đẩy mạnh tích hợp dữ liệu TTHC được các Bộ công bố trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, nâng số lượng TTHC được công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC là 2.139 TTHC (Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, 2019). Ngày 02/10/2018, UBND tỉnh tiếp tục ban hành Quyết định số 1949/QĐ-UBND. Kết quả trên địa bàn tỉnh có 01 Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, 02 Trung tâm Hành chính công cấp huyện (thành phố Trà Vinh và huyện Cầu Ngang), 04 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, 07 huyện, thị xã, 106 phường, xã, thị trấn thành lập Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, 07 cơ quan, đơn vị xây dựng quy chế phối hợp giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa một cửa liên thông với tổng số 105 TTHC được thực hiện. Nhìn chung, công tác giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính tỉnh Trà Vinh rất tốt, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn chiếm 99,8%,

Tuy nhiên, vẫn còn 0,2% (72 hồ sơ) giải quyết quá hạn (trong đó Sở Tài nguyên và Môi trường: 15 hồ sơ; Sở Y tế: 09 hồ sơ; Sở Kế hoạch và Đầu tư: 12 hồ sơ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 04 hồ sơ; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 01 hồ sơ; Sở Giao thông vận tải: 03 hồ sơ; Sở Giáo dục và Đào tạo: 19 hồ sơ; Sở Xây dựng: 02 hồ sơ; Ban Quản lý Khu kinh tế: 06 hồ sơ; Sở Công thương: 01 hồ sơ) (Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh, 2019).

Hình 1: Trang chủ Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh



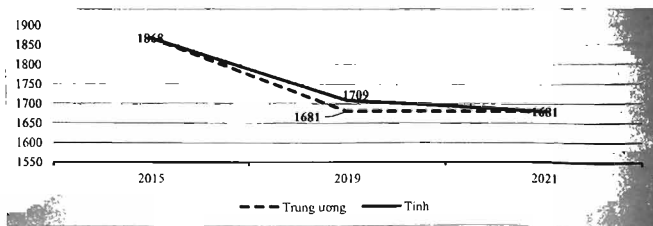
Nguồn: <https://dichvucong.travinh.gov.vn/>

1.3. Cải cách tổ chức bộ máy

Ngày 27/7/2018, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh đã ban hành Công văn số 2073/UBND-NC về việc chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai, thực hiện Đề án số 05-ĐA/TU ngày 21/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị tỉnh Trà Vinh theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII). Kết quả, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đã hoàn thành việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong, giảm 42 phòng chuyên môn thuộc sở và 02 chi cục chiếm tỷ lệ 29,33% so với tổng số phòng chuyên môn, chi cục và tương đương thuộc sở, ban, ngành tỉnh năm 2017. Đồng thời, thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp công lập đã có bước tinh gọn đáng kể, tiếp tục giảm 01 trạm y tế và 01 phòng khám đa khoa khu vực; giảm 02 phòng thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, riêng ngành giáo dục cấp huyện giảm 19 trường, sáp nhập giảm 02 đầu mối sự nghiệp văn hóa, thể thao và Đài Truyền thanh cấp huyện; giảm 27 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân cấp huyện (Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh, 2019).

Về biên chế công chức: Thực hiện Quyết định số 746/QĐ-BNV ngày 05/9/2019 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính Nhà nước của tỉnh Trà Vinh năm 2020 và Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 15/10/2019 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Trà Vinh, Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh đã ban hành Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 về việc giao chỉ tiêu biên chế công chức năm 2020 cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện là 1.665 biên chế, giảm 36 biên chế so với năm 2019. Kết quả trong giai đoạn năm 2015 - 2019 tỉnh đã giảm được 159 biên chế công chức chiếm tỷ lệ 8,51% so với biên chế được giao năm 2015. Như vậy, theo kế hoạch đến năm 2021 tỉnh Trà Vinh tiếp tục giảm 28 biên chế đạt tỷ lệ 10% so với biên chế công chức được giao năm 2015 (1871/868 biên chế). Ngoài ra, đã giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP là 110 người (Bộ Nội vụ, 2019).

Hình 2: Biên chế công chức



Nguồn: Tác giả tổng hợp

Về biên chế sự nghiệp: năm 2018, Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh đã trình Hội đồng Nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng. Giai đoạn năm 2015 - 2019 tỉnh Trà Vinh đã giảm 1.624 biên chế sự nghiệp (riêng năm 2019 giảm 233 biên chế) dự kiến trong năm 2020 và năm 2021 tỉnh tiếp tục giảm 431 biên chế sự nghiệp để đạt

tỷ lệ 10% chỉ tiêu Bộ Nội vụ giao (2.055/20.549 biên chế). Trong thời gian này, tỉnh Trà Vinh đã giải quyết chính sách biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP là 588 viên chức. Kết quả, có 173 người lao động được giải quyết theo Nghị quyết số 71 và Nghị quyết số 84 của Hội đồng Nhân dân tỉnh (Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh, 2019).

1.4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Thứ nhất, về Đề án vị trí việc làm: Trên cơ sở danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Trà Vinh được Bộ Nội vụ phê duyệt, Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức tối thiểu của 20 sở, ngành tỉnh và 09 huyện, thị xã, thành phố. Bên cạnh đó, Ủy ban Nhân dân phê duyệt chức danh vị trí việc làm, bảng mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm đối với các Trường Mầm non, Mẫu giáo, Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trực thuộc UBND cấp huyện (Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh, 2019).

Thứ hai, về đổi mới công tác tuyển dụng, bổ nhiệm: Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 06/3/2019 về tổ chức tuyển dụng công chức năm 2019 tỉnh Trà Vinh. Kết quả, tổng số 311 thí sinh đăng ký dự thi, 51 thí sinh trúng tuyển vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và cấp huyện, cụ thể: cơ quan Đảng và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội là 22 thí sinh; cơ quan, tổ chức hành chính 19 thí sinh. Ngoài ra, tổ chức thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính và thi thăng hạng viên chức hành chính từ chuyên viên lên chuyên viên chính. Theo đó, có 146 thí sinh đăng ký dự thi (trong đó: 135 cán bộ, công chức và 11 viên chức), kết quả có 83 người trúng tuyển và được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên chính (Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, 2019).

Thứ ba, về công tác đào tạo, bồi dưỡng: Hàng năm, UBND tỉnh xây dựng kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức và kế hoạch bồi dưỡng công chức từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tổ chức 46 lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng hành chính, bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp, kế toán viên chính, bồi dưỡng về tin học, tiếng Khmer với số lượng 3014 cán bộ, công chức, viên chức tham gia.

Thứ tư, về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức: UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý, đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, nghỉ hưu, chuyển xếp lương theo đúng quy định.

1.5. Cải cách tài chính công

Tỉnh Trà Vinh triển khai thực hiện các quy định về đổi mới cơ chế tài chính theo các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương như: Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; Nghị số 117/2013/NĐ-CP; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; Nghị định 141/2016/NĐ-CP; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP, UBND tỉnh Trà Vinh chỉ đạo thực hiện tốt xây dựng và hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ của các cơ quan, đơn vị nhằm đạt mục đích sử dụng có hiệu quả và tiết kiệm nguồn kinh phí.

Bảng 1: Cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính

STT	Cấp hành chính	Cơ quan, tổ chức (Tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính)	Đơn vị sự nghiệp (Tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với sự nghiệp công lập)
1.	Cấp tỉnh	43	104
2.	Cấp huyện	170	412
3.	Cấp xã	106	
Tổng cộng		319	516

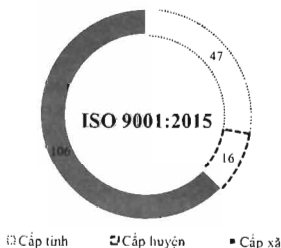
Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả điều tra

Ngoài ra, có 03 đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản, tổ chức và biên chế của tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Nhìn chung, các vấn đề công tác cải cách tài chính công được thực hiện tốt, chủ động và trách nhiệm cao, nhằm đem lại những kết quả cao nhất, tiết kiệm được chi phí để tăng thêm thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị.

1.6. Hiện đại hóa nền hành chính

Thực hiện các văn bản hướng dẫn của Trung ương, UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2019 về xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Kết quả, có 169 cơ quan, đơn vị xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Hình 3: Cơ quan, đơn vị áp dụng ISO 9001:2015



Nguồn: <https://dichvucong.travinh.gov.vn/>

Hiện nay, tỉnh Trà Vinh đang đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giải quyết công việc hành chính, sau thời gian triển khai thực hiện đã đạt được những kết quả tích cực, cụ thể:

Ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành được triển khai thực hiện tất cả cơ quan, đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh với 6440 người dùng, trên 90% văn bản trao đổi chính thức giữa cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử (Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh, 2019).

Cấp 1445 chứng thư số dạng USB Token cho 458 tổ chức và 987 cá nhân, 12 chứng thư số dạng SIM phục vụ chữ ký số văn bản điện tử, ký số và hồ sơ giao dịch Bảo hiểm xã hội, Thuế, Kho bạc Nhà nước. Bên cạnh đó, ứng dụng email công vụ và cấp 6890 tài khoản hộp thư điện tử cho cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường đẩy mạnh trao đổi, sử dụng văn bản điện tử qua môi trường mạng (Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, 2019).

Tỉnh Trà Vinh bước đầu vận hành thành công Hệ thống Một cửa điện tử và Dịch vụ công trực tuyến (VNPT - iGate) triển khai cho tất cả các cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh, tất cả hồ sơ thủ tục được giải quyết thông qua phần mềm. Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh phục vụ và cung cấp thông tin về thủ tục hành chính; song song đó cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; Tổng số thủ tục hành chính cấp nhật trên hệ thống là 1.947 thủ tục (mức 3: 498 dịch vụ; mức 4: 390 dịch vụ).

2. Đánh giá về cải cách hành chính của Tỉnh Trà Vinh

2.1. Ưu điểm

Một là, nhận được sự quan tâm của cấp ủy Đảng và chính quyền trong việc triển khai, thực hiện, chỉ đạo khắc phục kịp thời những hạn chế trong các hoạt động cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Trà Vinh trong giai đoạn trước.

Hai là, các hoạt động kiểm tra, thanh tra, đặc biệt là kiểm tra công việc và tài kiểm tra công vụ được đẩy mạnh thực hiện, qua đó, theo dõi và đánh giá kịp thời kết quả thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính gắn liền với kỷ luật, kỷ cương hành chính, nhằm đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh hoạt động đúng lộ trình và ngày càng hiệu quả. Đồng thời, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Ba là, việc tổ chức thực hiện các quy định về sắp xếp, tổ chức bộ máy tinh gọn, tinh giản biên chế được chú trọng, từ đó, đã đạt được một số kết quả thiết thực, góp phần hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu mà Trung ương và Tỉnh ủy, HĐND đã đề ra trong Nghị quyết.

Bốn là, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được chú trọng thực hiện, xây dựng kế hoạch trên cơ sở tổng hợp nhu cầu thực tế của các đơn vị. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đúng đối tượng, đúng chuyên môn. Vì vậy, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được nâng lên, đáp ứng nhu cầu giải quyết công việc nhanh chóng, hiệu quả và chất lượng.

Năm là, các hoạt động kiểm tra, rà soát, văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính luôn được triển khai, thực hiện. Các đơn vị phối hợp nghiêm túc và trách nhiệm cao, góp phần tham mưu Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý, ban hành và công bố mới các thủ tục kịp thời, đúng quy định.

Sáu là, thủ tục hành chính thường xuyên rà soát, bổ sung kịp thời, rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định, các phương thức tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện đúng quy định thông qua dịch vụ bưu chính công ích và qua dịch vụ công trực tuyến, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong quá trình thực hiện.

Bảy là, tỉnh Trà Vinh đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động hành chính góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại, hoạt động hiệu quả, tiết kiệm, nâng cao sự tin nhiệm và hài lòng của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

2.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh còn bộc lộ nhiều hạn chế: *Thứ nhất*, về cải cách thể chế: Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền của địa phương có lúc chưa kịp thời, chất lượng chưa cao. Công tác tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản quy

phạm pháp luật của đơn vị chuyên môn còn chậm. Quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh được thực hiện tốt, tuy nhiên việc công bố dự thảo và lấy ý kiến dự thảo chưa thật sự hiệu quả.

Thứ hai, về cải cách thủ tục hành chính: Tại một số đơn vị việc công bố thủ tục hành chính còn chậm và công tác niêm yết công khai thủ tục hành chính chưa kịp thời. Bộ TTHC đang áp dụng vẫn chưa ổn định và thường xuyên thay đổi do tiến độ chuẩn hóa TTHC của các sở, ban, ngành còn khá chậm, vì vậy gây khó khăn trong quá trình thực hiện TTHC và trong niêm quyết, công khai TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Hơn nữa, dịch vụ công mức độ 4 vẫn chưa được mở rộng thực hiện nhiều, hình thức gửi hồ sơ và nhận kết quả qua đường bưu điện đã triển khai thực hiện nhưng hiệu quả chưa cao.

Thứ ba, về cải cách tổ chức bộ máy: Công tác sáp nhập và tinh giản biên chế được đẩy mạnh thực hiện, tuy nhiên chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của một số cơ quan, tổ chức sau khi sáp nhập chưa rõ ràng, còn chồng chéo, trùng lặp. Việc phân công, phân cấp, phân quyền giữa các ngành, các cấp và trong từng cơ quan, tổ chức chưa hợp lý, thiếu đồng bộ, còn tình trạng làm thay hoặc bỏ sót nhiệm vụ.

Thứ tư, về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: Cơ chế tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng, bồi dưỡng, đãi ngộ cán bộ, công chức, viên chức chưa hợp lý, chưa lựa chọn được đúng người, đúng việc; chưa tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức phát huy hết khả năng. Đánh giá chưa thực sự là cơ sở để xem xét về năng lực của cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện tinh giản biên chế. Công tác quy hoạch, bố trí và cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo bồi dưỡng được thực hiện tốt. Tuy nhiên, vẫn còn trường hợp cán bộ, công chức, viên chức sau khi đào tạo, bồi dưỡng không về phục vụ cho tỉnh hoặc xin nghỉ việc.

Thứ năm, về cải cách tài chính công: việc thực hiện cơ chế giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP đối với cấp huyện còn gặp nhiều lúng túng, còn một số đơn vị chưa triển khai thực hiện hoặc có đơn vị triển khai còn mang tính hình thức. Công tác kiểm tra, thanh tra và giám sát có thực hiện nhưng chưa thật sự hiệu quả, chưa đẩy mạnh việc thực hiện công khai tài chính đến cộng đồng và người dân.

Thứ sáu, về hiện đại hóa nền hành chính: Việc đầu tư, ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước còn nhiều hạn chế, phân tán nhiều đầu mối, thiếu gắn kết. Tỉnh đã thực hiện chủ trương đẩy mạnh tổ chức cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tuy nhiên, theo quy định của Luật lưu trữ và các văn bản hướng dẫn chuyên ngành, hồ sơ thủ tục vẫn thực hiện lưu trữ song trùng văn bản điện tử. Vì vậy, chưa thật sự tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức khi triển khai thực hiện giải quyết thủ tục hành chính.

3. Một số giải pháp cải cách hành chính trong thời gian tới

Một là, cải cách thể chế: nâng cao chất lượng xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, chính sách, công tác dự báo, phân tích xu hướng và yêu cầu cải cách để tham mưu, đề xuất xây dựng, sửa đổi các chính sách pháp luật tài chính, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra. Công tác hoàn thiện thể chế, chính sách tài chính phải gắn với nhiệm vụ cải cách nhằm phát huy mọi nguồn lực, giải phóng sức sản xuất, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, minh bạch và phù hợp với văn bản nhà nước. Cải cách thể chế hướng tới tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp đồng thời cũng phải đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước thông qua các cơ chế phối hợp, kiểm tra, giám sát, hậu kiểm. Đồng thời, tăng cường công tác phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan, góp phần nâng cao hiệu quả CCHC.

Hai là, cải cách thủ tục hành chính: hoàn thiện việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Trong đó, tập trung một số nội dung trọng tâm sau: Tiếp tục hoàn thiện quy chế phối hợp trong thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Hoàn thiện bộ TTHC,

xây dựng quy trình thực hiện giải quyết các TTHC khoa học và ban hành quyết định công bố TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa một liên thông; Kiện toàn tổ chức bộ máy và nhân sự tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả; Tiếp tục nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào thực hiện giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Đẩy mạnh cải cách TTHC theo hướng đơn giản hóa thủ tục, dễ hiểu, dễ thực hiện; Thường xuyên đánh giá mức độ hài lòng của người dân về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Nghiêm túc kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc thực hiện và giải quyết TTHC.

Ba là, cải cách tổ chức bộ máy: rà soát chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức hành chính nhà nước và ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ thống nhất phù hợp với tổ chức hành chính mới sáp nhập. Công tác sáp nhập, hợp nhất TCHCNN tiến hành đồng thời với việc sắp xếp lại cơ cấu bên trong của tổ chức sau khi sáp nhập, hợp nhất. Việc sắp xếp lại phải đảm bảo nguyên tắc số đầu mối, kinh phí của các TCHCNN sau sáp nhập, hợp nhất phải nhỏ hơn số đầu mối, biên chế, kinh phí các tổ chức trước khi sáp nhập, hợp nhất, song chất lượng và hiệu quả hoạt động phải cao hơn. Sáp nhập, hợp nhất phải tính đến việc giải quyết vấn đề nhân sự. Bên cạnh đó, phải tiến hành phân loại, sàng lọc lựa chọn những người có đủ điều kiện, năng lực, tiêu chuẩn làm việc trong TCHCNN sau khi sáp nhập, hợp nhất. Đối với những người không đủ tiêu chuẩn cả về phẩm chất chính trị, trình độ, năng lực chuyên môn thuộc diện đời dư phải có chính sách giải quyết đời dư ra khỏi bộ máy một cách thích hợp, cốt lõi là bảo đảm quyền lợi, không để họ thiệt thòi.

Bốn là, công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đi đôi với việc quy hoạch vị trí việc làm sau khi hoàn thành khóa học. Quy hoạch, bố trí cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với chuyên môn, sở trường nhằm phát huy năng lực và tạo sự gắn kết, cống hiến và động lực làm việc, đây là yếu tố then chốt trong công tác cán bộ và giữ nhân tài trong TCHCNN. Thực hiện tinh giản biên chế theo hướng thực chất, đưa ra khỏi bộ máy những cán bộ, công chức, viên chức không hoàn thành nhiệm vụ, không đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Tổ chức, sắp xếp, chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng lộ trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Năm là, cải cách tài chính: Tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công cùng với đa dạng hóa nguồn lực xã hội phát triển dịch vụ theo hướng tăng cường phân cấp và tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong quản lý, sử dụng nguồn lực, đổi mới cơ chế giá dịch vụ sự nghiệp công lập, hoàn thiện cơ chế chính sách tài chính để thu hút các nguồn lực trong xã hội cho đầu tư phát triển sự nghiệp công. Đồng thời, nâng cao kỷ luật tài chính, đẩy mạnh công khai tài chính công; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát của cộng đồng và người dân đối với công khai tài chính; quản lý rủi ro và đảm bảo an toàn nợ công; tăng cường vai trò quản lý nhà nước đối với thị trường tài chính và dịch vụ tài chính.

Sáu là, hiện đại hóa nền hành chính: tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh về vai trò việc ứng dụng công nghệ thông tin trong vận hành nền hành chính cho cán bộ, công chức. Tổ chức quán triệt tinh thần Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XI về ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và hội nhập quốc tế cũng như nâng cao hiểu biết về các lợi ích trong việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan đảng cho cán bộ, đảng viên và công chức. Đào tạo nâng cao năng lực, trình độ sử dụng tin học của cán bộ công chức trong các cơ quan đảng về việc ứng dụng CNTT để cải thiện hiệu suất công việc, giảm thiểu tâm lý e ngại, né tránh trong sử dụng máy tính và các thiết bị tin học, thay đổi phong cách làm việc của cán bộ công chức từ môi trường giấy tờ chuyển sang làm việc trên môi trường máy tính và các hệ thống thông tin, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và thúc đẩy hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong các cơ quan đảng.

Kết luận

Xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hóa; hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ CB, CC, VC có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng, phát triển địa phương là một trong nhiệm vụ trọng tâm mà tỉnh Trà Vinh xác định trong quá trình thực hiện cải cách hành chính. Việc triển khai thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đã đạt được một số thành tựu đáng khích lệ, vừa mang tính khoa học, vừa mang ý nghĩa thực tiễn, đúng với mục tiêu đặt ra, đáp ứng yêu cầu công cuộc cải cách một bước nền hành chính nhà nước, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân. Trong giai đoạn tiếp theo, tỉnh Trà Vinh cần tiếp tục khẳng định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm của việc xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền, coi đó là một giải pháp cơ bản để thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2018), *Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.*
2. Bộ Nội vụ (2019), *Quyết định số 746/QĐ-BNV ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính Nhà nước của tỉnh Trà Vinh năm 2020.*
3. Công dịch vụ trực tuyến tỉnh Trà Vinh, *Thống kê*, <http://www.dichvucong.travinh.gov.vn/dichvucong/thongke/travinh>, ngày truy cập 29/02/2020.
4. Chính phủ (2011), *Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020.*
5. Chính phủ (2015), *Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.*
6. Chính phủ (2018), *Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.*
7. Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh (2018), *Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018 về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã thời việc theo nguyện vọng.*
8. Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh (2019), *Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc giao chỉ tiêu biên chế công chức năm 2020 cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện là 1665 biên chế, giảm 36 biên chế so với năm 2019.*
9. Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh (2016), *Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2016 Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016 – 2020*
10. Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh (2019), *Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2019 về xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.*
11. Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh (2019), *Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc giao chỉ tiêu biên chế công chức năm 2020 cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện là 1665 biên chế, giảm 36 biên chế so với năm 2019.*
12. Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh (2019), *Báo cáo số 301/BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của tỉnh Trà Vinh về việc kết quả thực hiện cải cách hành chính năm 2019 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.*
13. Văn phòng Chính phủ (2018), *Thông tư 01/2018/TT-VPPC ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính*